

PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ - KINH DOANH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRONG ASEAN

HỒ VĂN PHÚ *

Hoạt động đầu tư - kinh doanh là hoạt động không thể thiếu ở bất kỳ quốc gia nào nhằm duy trì sự tồn tại và thúc đẩy sự phát triển của mỗi quốc gia. Hoạt động đó liên quan đến các vấn đề mở cửa thị trường, phát huy thế mạnh của từng vùng, miền trong giao lưu dân sự quốc tế thông qua các quy định pháp luật của từng quốc gia mà cụ thể bao gồm các quy định về hình thức đầu tư, hình thức doanh nghiệp, các lĩnh vực cho phép, khuyến khích, hạn chế đầu tư kinh doanh, các quy định về ưu đãi mà chủ yếu là ưu đãi về thuế, chế độ sử dụng tín dụng, quản lý ngoại hối, chế độ sở hữu, sử dụng đất đai, bất động sản, thủ tục đầu tư và giải quyết tranh chấp.

Bằng hoạt động đó, các nước ASEAN đã không ngừng phát triển trong những năm cuối của thế kỉ XX, có nước đã trở thành nước công nghiệp mới (NIC) và cả khu vực trở thành khu vực kinh tế năng động ở châu Á - Thái Bình Dương (khu kinh tế tự do AFTA). Với ý nghĩa như vậy, bài viết này trình bày đôi nét về pháp luật đầu tư - kinh doanh của các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam.

I. NGUỒN LUẬT ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ - KINH DOANH

Cũng giống như Việt Nam từ những năm cuối của thế kỉ XX, đặc biệt từ năm 2005 đến nay, một số nước trong khối ASEAN

như Philippine, Malaysia, Thái Lan đều ban hành đạo luật khuyến khích đầu tư áp dụng chung cho cả đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Đối với đầu tư nước ngoài, luật không trực tiếp điều chỉnh các vấn đề liên quan đến thành lập, tổ chức quản lí và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như trước đây mà những vấn đề này được điều chỉnh chung bởi hai nhóm văn bản pháp luật là:

- Nhóm thứ nhất gồm các văn bản quy định về lĩnh vực cấm, hạn chế đầu tư cũng như chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư như luật về khuyến khích đầu tư, luật thuế thu nhập.

- Nhóm thứ hai gồm các văn bản quy định về hình thức tổ chức kinh doanh, quản lí của doanh nghiệp, như luật về công ti, luật đăng kí kinh doanh... Các đạo luật này đều chịu sự ảnh hưởng của hệ thống pháp luật Anh - Mĩ (Singapore, Malaysia) hoặc cả hai hệ thống pháp luật Anh - Mĩ và châu Âu lục địa (Thái Lan, Indonesia, Philippine).

1. Đối với Thái Lan

Nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước có thể tiến hành hoạt động đầu tư - kinh doanh của mình theo các văn bản pháp luật tương ứng, cụ thể là:

* Vụ pháp luật quốc tế - Bộ tư pháp

- Luật khuyến khích đầu tư quy định các nguyên tắc và thủ tục khuyến khích đầu tư, gồm bảo đảm đầu tư, bảo lãnh, các ưu đãi thuế và phi thuế áp dụng thống nhất cho nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài;

- Luật về quản lý các khu công nghiệp quy định các ưu đãi do cơ quan quản lý khu công nghiệp cấp cho các đối tượng có nhà máy hoặc hoạt động trong các khu công nghiệp;

- Thông báo của cơ quan đầu tư (BOI) năm 2000, thông báo này thay cho thông báo của BOI số 1/2536 năm 1993 quy định các chính sách mới và các tiêu chí hướng khuyến khích đầu tư bao gồm các tiêu chí cho liên doanh và danh mục các khuyến khích và ưu đãi;

- Luật về kinh doanh nước ngoài áp dụng đối với các thể nhân không có quốc tịch Thái Lan và pháp nhân có ít nhất 50% vốn điều lệ thuộc sở hữu của nước ngoài, công ti hợp doanh trách nhiệm hữu hạn hoặc công ti hợp doanh thường do người nước ngoài là thành viên quản lý. Luật quy định ba danh mục ngành nghề gồm danh mục cấm, danh mục do bộ trưởng cho phép trên cơ sở chấp thuận của Văn phòng Thủ tướng, danh mục do cục trưởng Cục đăng ký kinh doanh thương mại cho phép trên cơ sở chấp thuận của Ủy ban về kinh doanh nước ngoài. Theo quy định của Luật này thì tỉ lệ tham gia vốn nước ngoài trong các ngành nghề quy định nói trên không bị hạn chế.

2. Đối với Malaysia

Malaysia không có luật đầu tư nước ngoài mà mọi hoạt động đầu tư nước ngoài

cũng như hoạt động đầu tư trong nước đều chịu sự điều chỉnh chung theo các luật sau:

- Luật điều phối công nghiệp năm 1974 quy định việc điều phối và phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy hoạch chung của nhà nước;

- Luật khuyến khích đầu tư năm 1986 quy định chế độ ưu đãi đầu tư cho các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, du lịch và khách sạn;

- Luật công ti năm 1965 quy định trình tự, thủ tục đăng ký thành lập của tất cả các loại hình doanh nghiệp hoạt động đầu tư kinh doanh tại Malaysia;

- Luật về các khu tự do năm 1990 quy định các hoạt động nhập khẩu đối với nguyên liệu, phụ tùng, máy móc, thiết bị và xuất khẩu các thành phẩm, hàng hoá công nghiệp...;

- Luật thuế thu nhập năm 1967 quy định các loại thuế suất, chế độ miễn giảm và chế độ ưu đãi, ưu đãi đặc biệt đối với các loại thuế này;

- Luật quản lý ngoại hối năm 1953 quy định về khai báo, quản lý, giám sát việc thanh toán cho các đối tượng không cư trú và chế độ bảo đảm cán cân thanh toán chung trong nước và nước ngoài.

3. Đối với Philippine

Philippine có các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư - kinh doanh nói chung và đầu tư nước ngoài nói riêng, cụ thể là:

- Luật đầu tư năm 1987 được sửa đổi theo Luật số 8756 quy định các tiêu chí, điều kiện đầu tư và các chế độ khuyến khích ưu đãi được áp dụng cho các dự án đầu tư trong

đó có các dự án đầu tư nước ngoài;

- Luật đầu tư nước ngoài năm 1991 (Luật số 7042) điều chỉnh việc thành lập và hoạt động của các dự án đầu tư nước ngoài không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. Trong thời gian gần đây, Luật này đã được sửa đổi, bổ sung để giảm thiểu các yêu cầu về tỉ lệ góp vốn tối thiểu của nhà đầu tư nước ngoài khi thành lập doanh nghiệp mới từ 500.000USD xuống 200.000USD hoặc 100.000USD nếu dự án đó có áp dụng công nghệ tiên tiến;⁽¹⁾

- Luật về các đặc khu kinh tế năm 1995 (Luật số 7916) quy định các ưu đãi cho các doanh nghiệp tại các đặc khu kinh tế;

- Luật về phát triển xuất khẩu năm 1994 (Luật số 7844) quy định các ưu đãi đối với doanh nghiệp xuất khẩu.

- Luật về tự do hoá việc thành lập và hoạt động của ngân hàng nước ngoài tại Philippine năm 1999 (Luật số 7721);

- Luật sửa đổi Luật về xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BOT) (Luật số 7718 năm 1994) quy định các dạng khác nhau của hợp đồng BOT, giảm thiểu các hạn chế liên quan đến việc định giá dịch vụ và phí, cho phép công ti 100% vốn nước ngoài được tham gia dự án BOT tại Philippine.

- Luật về chống rửa tiền năm 2001, được sửa đổi năm 2003 và nhiều văn bản pháp luật khác có liên quan.

4. Đối với Singapore

Việc thành lập, hoạt động đầu tư – kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tại Singapore đều được

điều chỉnh bằng các luật như: Luật đăng kí kinh doanh, Luật công ti, Luật thuế thu nhập, Luật khuyến khích mở rộng kinh tế và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

5. Đối với Việt Nam

Trong quá trình đổi mới từ năm 1986 đến nay, trong lĩnh vực đầu tư – kinh doanh Việt Nam đã ban hành hệ thống luật gồm nhiều loại văn bản với những nội dung khá phong phú nhằm phục vụ cho công cuộc đổi mới và các hoạt động đầu tư kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp. Đặc biệt từ năm 2005 đến nay, để phục vụ cho công cuộc hội nhập quốc tế, Việt Nam đã chỉnh lí, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới nhiều văn bản pháp luật nói trên. Có thể nêu một số văn bản điển hình gồm: Luật đầu tư năm 2005, Luật doanh nghiệp năm 2005, Luật thương mại năm 2005, các luật về thuế và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ - KINH DOANH

Việc nghiên cứu các văn bản pháp luật về đầu tư - kinh doanh của các nước ASEAN cho thấy hầu hết các văn bản này đều chứa đựng nội dung cơ bản bao gồm những nguyên tắc chung; hình thức đầu tư, hình thức doanh nghiệp; lĩnh vực cho phép, khuyến khích, hạn chế và cấm đầu tư; chế độ sở hữu, sử dụng đất đai và bất động sản; chính sách tín dụng và quản lí ngoại hối; vấn đề lao động tiền lương; mô hình tổ chức quản lí hoạt động đầu tư và các biện pháp bảo đảm đầu tư trong đó có giải quyết tranh chấp về đầu tư kinh doanh.

1. Về những nguyên tắc trong hoạt động đầu tư - kinh doanh

Những nguyên tắc chung này được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật nói trên bao gồm nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, nguyên tắc về mở cửa thị trường, tự do hoá trong hoạt động đầu tư kinh doanh, nguyên tắc không phân biệt đối xử bao gồm nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa những nhà đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài hoặc giữa những đối tượng hàng hoá, các khoản đầu tư, các sản phẩm sở hữu trí tuệ, dịch vụ trong nước và nước ngoài (gọi tắt là chế độ đối xử quốc gia - NT) và nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa những nhà đầu tư nước ngoài với nhau tại nước tiếp nhận đầu tư ASEAN hoặc giữa những đối tượng hàng hoá, các khoản đầu tư, các sản phẩm sở hữu trí tuệ, dịch vụ nước ngoài với nhau (gọi tắt là chế độ đối xử tối huệ quốc - MFN), nguyên tắc ưu tiên phát triển trong đó có các chế độ khuyến khích, ưu đãi đầu tư đối với lĩnh vực, địa bàn, ngành nghề sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

2. Về hình thức đầu tư và hình thức doanh nghiệp

Ngoài các hình thức đầu tư truyền thống như Việt Nam và các nước ASEAN thường áp dụng là doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng, các nước ASEAN còn mở ra các loại hình đầu tư khác đa dạng phong phú nhằm mục đích tăng cường huy động vốn như hình thức công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn (công ty này

được niêm yết trên thị trường chứng khoán, công ty đầu tư mẹ con (holding company), công ty quản lý quỹ đầu tư, hình thức mua sáp nhập được áp dụng phổ biến ở các nước như Thái Lan, Singapore, Malaysia...

Bên cạnh đó, các nước này còn áp dụng khá rộng rãi một số hình thức tổ chức kinh doanh như công ty hợp danh, chi nhánh doanh nghiệp một chủ.

3. Về lĩnh vực khuyến khích, hạn chế và cấm đầu tư

Tương tự như pháp luật Việt Nam, các nước ASEAN đều quy định các lĩnh vực khuyến khích, chính sách khuyến khích, hạn chế và cấm đầu tư kinh doanh phù hợp với chương trình phát triển kinh tế, xã hội và nhu cầu thu hút đầu tư nói chung và đầu tư nước ngoài nói riêng trong từng thời kỳ của mình. Các quy định này thể hiện dưới hình thức ban hành các danh mục lĩnh vực khuyến khích, hạn chế và cấm đầu tư. Một số nước không ban hành danh mục khuyến khích mà chỉ đưa ra danh mục lĩnh vực cấm hoặc hạn chế đầu tư. Ngoài các lĩnh vực này, nhà đầu tư được phép tiến hành hoạt động đầu tư kinh doanh và xin được hưởng ưu đãi nếu đáp ứng một số điều kiện nhất định.

a. Về chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư

Một trong những công cụ chủ yếu của các nước ASEAN trong việc cạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài, thu hút vốn nội địa là áp dụng các ưu đãi về thuế và tài chính cụ thể là ưu đãi về thuế thu nhập công ty và ưu đãi về thuế nhập khẩu. Đối với ưu đãi

thuế thu nhập công ti, các nước này thường áp dụng thuế suất ưu đãi, mức độ miễn giảm trên cơ sở các tiêu chí về lĩnh vực, địa bàn đầu tư, tỉ lệ xuất khẩu sản phẩm, trình độ công nghệ. Thuế suất này có sự khác nhau ở các nước nhưng phổ biến từ 10% đến 35% và nhìn chung không ưu đãi hơn so với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Đối với ưu đãi về thuế nhập khẩu, các nước này áp dụng miễn, giảm thuế nhập khẩu như biện pháp tích cực để khuyến khích đầu tư, nhất là đối với hàng hoá nhập khẩu phải thuộc vốn đầu tư hoặc phải trực tiếp sử dụng cho dự án. Cụ thể Thái Lan chỉ miễn hoặc giảm 50% thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để thực hiện dự án được cơ quan quản lý đầu tư (BOI) công nhận là dự án khuyến khích đầu tư. Trong khi đó, pháp luật của Việt Nam quy định là máy móc, thiết bị của tất cả các dự án đầu tư được nhập khẩu để xây dựng cơ bản hình thành doanh nghiệp đều được miễn thuế nhập khẩu. Tương tự như quy định của pháp luật Việt Nam, hầu hết các nước này đều miễn hẳn thuế nhập khẩu đối với nguyên, vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng nhập khẩu. Cụ thể Thái Lan miễn loại thuế này trong 5 năm đối với dự án đầu tư vào địa bàn đặc biệt khuyến khích đầu tư và xuất khẩu ít nhất 30% sản phẩm. Tuy vậy, theo quy định của pháp luật Malaysia, nguyên vật liệu có thuế suất thuế nhập khẩu dưới 3% thì không được xem xét miễn thuế nhập khẩu.⁽²⁾

b. Về hình thức hạn chế đầu tư

Vấn đề này áp dụng cho nhà đầu tư nước

ngoài. Hầu hết các nước ASEAN đều áp dụng các hình thức hạn chế đầu tư như hạn chế về sở hữu vốn tối đa, tối thiểu của nhà đầu tư nước ngoài, hạn chế địa bàn tiêu thụ sản phẩm dịch vụ, yêu cầu xuất khẩu, nội địa hoá, phát triển nguồn nguyên liệu trong nước, yêu cầu về chuyển giao công nghệ, mức độ sử dụng lao động. Tuy vậy, để thực hiện các cam kết quốc tế song phương và đa phương, các nước này đã xoá bỏ hầu hết những hạn chế nói trên. Hiện nay, hình thức hạn chế được áp dụng phổ biến là việc quy định giới hạn sở hữu vốn tối đa của nhà đầu tư nước ngoài và phạm vi kinh doanh chủ yếu trong một số ngành dịch vụ nhạy cảm như dịch vụ tài chính, ngân hàng.

Bên cạnh chế độ khuyến khích đầu tư và vấn đề hạn chế đầu tư nói trên, các nước này còn quy định những lĩnh vực, ngành nghề cấm đầu tư chủ yếu đối với nhà đầu tư nước ngoài, chẳng hạn như những lĩnh vực và ngành nghề liên quan đến an ninh quốc phòng, những công việc liên quan đến việc khai thác tài nguyên khoáng sản quý hiếm (chỉ dành cho nhà nước và công dân nước sở tại).

4. Về chế độ sở hữu, sử dụng đất đai và bất động sản

Đa số các nước ASEAN đều áp dụng chế độ sở hữu đất đai và bất động sản đối với công dân và nhà đầu tư mang quốc tịch của mình. Tuy vậy, cũng giống như Việt Nam các nước này đều không công nhận hoặc không cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu đất mà chỉ cho sử dụng đất với những điều kiện rất chặt chẽ. Cụ thể, ở Indonesia,

cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài không thành lập doanh nghiệp theo pháp luật Indonesia thì chỉ được quyền sử dụng đất; ở Philippine, người nước ngoài không được phép sở hữu đất, trừ trường hợp thừa kế.

5. Về chính sách tín dụng và quản lý ngoại hối

Về tín dụng, trừ Singapore và Thái Lan là những nước đối xử bình đẳng giữa công ti trong nước và công ti nước ngoài trong việc vay vốn, còn lại các nước ASEAN khác đều áp dụng một số hạn chế nhất định đối với công ti nước ngoài. Chẳng hạn, ở Indonesia, công ti có không quá 49% vốn nước ngoài mới được vay vốn từ các ngân hàng thương mại quốc doanh. Ở Philippine, các khoản vay nước ngoài phải được Ngân hàng trung ương phê duyệt, trừ một số trường hợp nhất định. Theo quy định của pháp luật Malaysia, các công ti do người không cư trú ở Malaysia kiểm soát thì có thể được vay dưới 10 triệu RM (Rinh gít Malaysia) từ tất cả các nguồn tại Malaysia mà không cần có sự phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước về ngoại hối, tuy nhiên các khoản vay trong nước này không được vượt quá 3 lần số vốn của công ti.⁽³⁾

Về quản lý ngoại hối, trong tất cả các nước ASEAN, chỉ có Singapore là nước duy nhất không áp dụng chế độ kiểm soát ngoại hối, còn lại đều áp dụng biện pháp kiểm soát nguồn vốn ngắn hạn và thị trường ngoại hối rất chặt chẽ nhằm ngăn chặn tình trạng đầu cơ và buôn lậu tiền tệ.

6. Về chế độ tuyển dụng lao động

Cũng giống như Việt Nam, tất cả các

nước ASEAN đều cho phép công ti nước ngoài thuê chuyên gia kỹ thuật về quản lý nước ngoài nhưng họ phải có chương trình đào tạo lao động sở tại để thay thế. Hầu hết các nước này đều quy định mức lương tối thiểu của người lao động nhưng việc áp dụng quy định này được dựa trên nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa người lao động trong nước với người lao động nước ngoài hoặc giữa những người lao động nước ngoài với nhau tại nước sở tại.

7. Về thủ tục đầu tư - kinh doanh

Nhằm huy động vốn tối đa ở trong và ngoài nước phục vụ cho mục đích đầu tư chung, phát triển kinh tế quốc dân, thủ tục đầu tư của các nước ASEAN đều được cải thiện, đơn giản hoá, tạo điều kiện cho nhà đầu tư trong toàn bộ các khâu từ cấp giấy phép đến quản lý, triển khai và hoạt động các dự án đầu tư. Tuy nhiên, hiện nay chỉ có Việt Nam duy trì chế độ cấp giấy phép đầu tư và thành lập doanh nghiệp trên cơ sở đăng kí cấp giấy chứng nhận đầu tư và thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư, còn ở các nước ASEAN khác, nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước đều tuân theo chế độ đăng kí thành lập doanh nghiệp một cách thống nhất tại cơ quan đăng kí công ti hoặc uỷ ban chứng khoán.

8. Về tổ chức quản lý hoạt động đầu tư

Hiện nay, hầu hết các nước ASEAN đều thành lập cơ quan nhà nước về đầu tư chung với nhiệm vụ chủ yếu là xem xét, cấp giấy chứng nhận ưu đãi cho cả nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài

nư BOI của Thái Lan, Philippine; BKPM của Indonesia; EDB của Singapore; MIDA và MITI của Malaysia.

9. Về các biện pháp bảo đảm đầu tư và giải quyết tranh chấp

Các nước ASEAN cũng như Việt Nam đều quy định các biện pháp bảo đảm đầu tư – kinh doanh trong hệ thống pháp luật của mình, thể hiện tính cạnh tranh và phù hợp với thông lệ quốc tế. Cụ thể nội dung của vấn đề này là:

Thứ nhất, cam kết không quốc hữu hoá, không trưng dụng vốn và tài sản của nhà đầu tư bằng các biện pháp hành chính. Trường hợp vì lợi ích công cộng mà một trong những hành vi này xảy ra thì chính phủ bảo đảm đền bù một cách thoả đáng theo giá thị trường về tài sản.

Thứ hai, cho phép nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài vốn, lợi nhuận, tiền gốc và lãi của các khoản vay nước ngoài và các tài sản hợp pháp khác của họ.

Thứ ba, cho phép nhà đầu tư thoả thuận trong hợp đồng cơ chế giải quyết tranh chấp thích hợp theo sự lựa chọn của họ, bao gồm việc giải quyết tại tổ chức trọng tài, toà án nước sở tại hoặc tổ chức trọng tài quốc tế hoặc trọng tài nước thứ ba hoặc trọng tài do các bên thoả thuận thành lập (trọng tài ad hoc). Việc áp dụng luật nước ngoài để điều chỉnh quan hệ đầu tư, quan hệ hợp đồng trong trường hợp nhất định hoặc giải quyết tranh chấp đầu tư cũng được thừa nhận rộng rãi ở các nước này nhất là đối với các tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

Để thực hiện các biện pháp bảo đảm nói trên, nhất là biện pháp về giải quyết tranh chấp đầu tư đòi hỏi các nước phải quy định trong hệ thống pháp luật của mình và tham gia một số điều ước quốc tế có liên quan, như Công ước Washington năm 1965 về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa nhà nước và công dân của nhà nước khác (viết tắt là Công ước ICSID), Công ước New York năm 1958 về công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài. Đến nay, trừ Việt Nam và Thái Lan, các nước còn lại đều tham gia Công ước ICSID, còn Công ước New York năm 1958 thì hầu hết các nước ASEAN đều là thành viên. Điều đáng chú ý là nội dung của hai công ước nói trên, đặc biệt là Công ước New York năm 1958 đã được cụ thể hoá trong một số văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam như Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam năm 2004, Luật đầu tư năm 2005, Nghị định số 78/2007/NĐ-CP ngày 11/5/2007 về đầu tư theo hình thức BOT, BTO, BT.

Ngoài các nước ASEAN, hiện nay các quy định về đầu tư - kinh doanh nói trên còn được quy định tương tự trong pháp luật của các nước ASEAN+ (ASEAN cộng), chẳng hạn như Trung Quốc, Hàn Quốc.

Trên đây là một số nội dung chủ yếu của pháp luật đầu tư – kinh doanh của các nước ASEAN, xin gửi đến các đồng nghiệp cùng các bạn để nghiên cứu tham khảo./.

(1), (2), (3). Xem: *Thông nhất khung pháp luật chung giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài*, Đề tài khoa học cấp bộ, Bộ kế hoạch và đầu tư, năm 2006.